

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 264/2024/HS-PT

Ngày: 27-9-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mỹ.

Các Thẩm phán: Ông Phạm Minh Tùng.

Ông Lê Khắc Thịnh.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Mỹ Hương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Giang Châu - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 220/2024/TLPT-HS ngày 17 tháng 9 năm 2024 đối với bị cáo Nguyễn Hữu P cùng đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Hữu P và Nguyễn Chí T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 38/2024/HS-ST ngày 16 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Hữu P (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 01/01/1968; Nơi sinh: tại Đồng Tháp; Nơi thường trú: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn L (đã chết) và bà Nguyễn Thị Ừ (đã chết); Vợ: Huỳnh Thị Bích H, sinh năm 1969; Con: có 02 con, con lớn sinh năm 1993, con nhỏ sinh năm 1995; Gia đình có 09 anh chị em, bị cáo là con thứ 6 trong gia đình; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 28/6/2023, bị Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xử phạt 02 năm tù về tội “Mua bán trái phép hóa đơn”. Tạm giam: Ngày 10/11/2023; Bị cáo đang bị tạm giam tại Trại giam Công an tỉnh Đ; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Chí T (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 28/3/1993; Nơi sinh: tỉnh Đồng Tháp; Nơi thường trú: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Hữu P, sinh năm 1968 và bà Huỳnh Thị Bích H, sinh năm 1969; Vợ tên: Châu Thị Trúc L1, sinh năm 1999; Bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con lớn trong gia đình; Tiền án: Không; Tiền sự: Ngày 22/5/2022, bị Công an huyện T xử phạt hành chính 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc; Nhân thân: Ngày 28/6/2023, bị Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xử phạt 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 năm về tội “Mua bán trái phép hóa đơn”; Tạm giữ, tạm giam: Không có; Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra, trong vụ án còn có người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo; Viện kiểm sát không kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng cuối năm 2017, Nguyễn Hữu P biết được nhu cầu mua hóa đơn của một số cá nhân, doanh nghiệp nên nảy sinh ý định thành lập doanh nghiệp để sử dụng pháp nhân mua bán trái phép hóa đơn giá trị gia tăng. Để có nhiều pháp nhân xuất bán hóa đơn trái phép, P trực tiếp đứng tên đăng ký pháp nhân hoặc mua pháp nhân do người khác đã đăng ký hoặc nhờ người khác đứng tên đại diện doanh nghiệp. Tổng cộng P trực tiếp điều hành 08 doanh nghiệp để thực hiện hành vi mua bán trái phép hóa đơn.

Lương Duy P1 biết P chuyên mua bán hóa đơn nên đã liên hệ mua hóa đơn giá trị gia tăng đầu vào cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên L2 (Cty Lương Duy P1) do P1 làm giám đốc và Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên C (C1) do P1 điều hành. Giá mua bán được P1 và P thỏa thuận là 500 đồng/m³ cát ghi trên hóa đơn. Khi P1 có nhu cầu mua hóa đơn thì liên hệ P cung cấp thông tin về khối lượng cát, tên doanh nghiệp M để xuất hóa đơn. Trên cơ sở khối lượng cát do P1 cung cấp thì P xuất bán không trên hóa đơn. Để có hóa đơn đầu vào, P liên hệ với người tên T1 ở TP Hồ Chí Minh (không rõ họ, địa chỉ) đặt mua, giá mua được tính 300 đồng/m³ cát với khối lượng trên hóa đơn (P đã hủy bỏ số hóa đơn mua của T1 nên không xác định được hóa đơn mua vào).

Quá trình điều tra, xác định P đã điều hành 05 Công ty xuất bán 277 hóa đơn giá trị gia tăng cho C1 và Cty Lương Duy P1, cụ thể như sau:

1. Công ty T4 Sở Thượng (Cty Tiền Sở Thượng) do Nguyễn Hữu P trực tiếp làm Giám đốc. Thành lập ngày 09/10/2018, mã số thuế 1402106199, trụ sở: ấp A, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, đã xuất bán cho C2 24 hóa đơn, tổng khối

lượng cát 63.770 m³, tổng giá trị sau thuế 2.989.228.000 đồng; C1: 06 hóa đơn, tổng khối lượng cát 44.060 m³, tổng giá trị sau thuế 2.132.504.000 đồng.

2. Công ty TNHH X (C3) do Nguyễn Chí T làm Giám đốc. Thành lập ngày 20/01/2018, mã số thuế 1402087820, trụ sở: ấp E, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Tháp xuất bán cho C2 99 hóa đơn, tổng khối lượng cát 218.380 m³, tổng giá trị sau thuế 10.115.952.000 đồng.

3. Công ty TNHH MTV T5 (C4) do Trịnh Bá T2 làm Giám đốc. Thành lập ngày 26/12/2017, mã số thuế 1402085446, trụ sở: số C, khóm E, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, xuất bán cho C2 01 hóa đơn, khối lượng cát 2.400 m³, giá trị sau thuế 105.600.000 đồng.

4. Công ty TNHH X1 (C5) do Nguyễn Văn Hoàng N làm Giám đốc. Thành lập ngày 29/3/2019, mã số thuế 1402120242, trụ sở: khóm B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp đã xuất bán cho C2: 04 hóa đơn, tổng khối lượng cát 14.710 m³, tổng giá trị sau thuế 647.240.000 đồng.

5. Công ty TNHH T6 (C6) do Nguyễn Thanh P2 làm Giám đốc (em ruột bị can P). Thành lập ngày 23/4/2018, mã số thuế 1402093623, trụ sở: ấp T, thị trấn T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp đã xuất bán cho C2: 109 hóa đơn, tổng khối lượng cát 201.879 m³, tổng giá trị sau thuế 9.189.746.500 đồng; C1: 34 hóa đơn, tổng khối lượng cát 78.790 m³, tổng giá trị sau thuế 3.813.436.000 đồng.

Để tránh bị cơ quan thuế phát hiện, P chia nhỏ hóa đơn cho các công ty của P điều hành để cân đối doanh thu, số lượng cát mua bán. P tự viết thông tin trên hóa đơn giá trị gia tăng hoặc yêu cầu T viết giúp cho P. Tổng cộng T đã ghi không 160 hóa đơn giá trị gia tăng, trong đó 76 hóa đơn của C3, 80 hóa đơn của C6, 04 hóa đơn của C5 để bán cho Cty Lương Duy P1. Đồng thời, P yêu cầu Lê Hồng P3 (là Kế toán hợp đồng của 08 doanh nghiệp do P3 điều hành) làm hợp đồng nguyên tắc (mua bán cát), biên bản giao nhận cát, biên bản nghiệm thu khối lượng và thanh lý hợp đồng đưa cho P3 ký tên, đóng dấu rồi đưa lại Hồng P3 lưu trữ tới kỳ quyết toán Hồ N hoàn thiện hồ sơ chứng từ để đối phó khi cơ quan thuế kiểm tra. Để hợp thức hóa việc mua bán trái phép hóa đơn giá trị gia tăng, P3 yêu cầu Phúc (bên mua) sử dụng tài khoản các Công ty của P1 chuyển tiền vào tài khoản 01 trong các công ty của P3 (công ty G trên hợp đồng) để có chứng từ chuyển tiền. Sau đó, P3 yêu cầu T đi rút tiền mặt để trả lại cho P1, chỉ giữ lại số tiền tương ứng 500 đồng/m³ cát ghi trên hóa đơn, có những hóa đơn T là người trực tiếp đi giao P1.

Kết quả điều tra chứng minh được tổng khối lượng ghi không trên 277 hóa đơn là 623.989m³, P3 bán với giá 500 đồng/m³. Vậy số tiền P3 thu được từ việc bán hóa đơn là 311.994.500 đồng và đã chi tiền mua hóa đơn đầu vào là 300 đồng/m³ tương ứng số tiền 187.196.700 đồng, nên P3 đã thu lợi bất chính số tiền

124.797.800 đồng.

Trong quá trình điều tra, các bị cáo Nguyễn Hữu P và Nguyễn Chí T đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, lời nhận tội của các bị cáo phù hợp các vật chứng thu giữ, lời khai của người liên quan và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 38/2024/HS-ST ngày 16 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp đã xét xử:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Hữu P và Nguyễn Chí T phạm tội “*Mua bán trái phép hóa đơn*”.

2. Căn cứ pháp luật và hình phạt:

2.1. Căn cứ điểm d và đ khoản 2, khoản 3 Điều 203; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu P 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 10/11/2023.

Hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo Nguyễn Hữu P 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng nộp vào ngân sách Nhà nước.

2.2. Căn cứ điểm d khoản 2, khoản 3 Điều 203; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Chí T 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo Nguyễn Chí T 10.000.000 (mười triệu) đồng nộp vào ngân sách Nhà nước.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về biện pháp tư pháp, án phí và nêu quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 26 tháng 8 năm 2024, bị cáo Nguyễn Chí T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 28 tháng 8 năm 2024, bị cáo Nguyễn Hữu P có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Nguyễn Hữu P và bị cáo Nguyễn Chí T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Các bị cáo thừa nhận Bản án số 38/2024/HS-ST ngày 16 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp kết án bị cáo Nguyễn Hữu P phạm tội “*Mua bán trái phép hóa đơn*” quy định tại điểm d, đ khoản 2, khoản 3 Điều 203 Bộ luật Hình sự, bị cáo Nguyễn Chí T phạm tội “*Mua bán trái phép hóa đơn*” quy định tại điểm d khoản 2, khoản 3 Điều 203 Bộ luật

Hình sự là đúng người, đúng tội. Tuy nhiên, các bị cáo cho rằng mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm tuyên là quá nặng so với hành vi của các bị cáo và tại phiên tòa các bị cáo giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu quan điểm cho rằng hành vi của bị cáo Nguyễn Hữu P bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Mua bán trái phép hóa đơn” quy định tại điểm d, đ khoản 2, khoản 3 Điều 203 Bộ luật Hình sự và bị cáo Nguyễn Chí T bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Mua bán trái phép hóa đơn” quy định tại điểm d khoản 2, khoản 3 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật. Mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với các bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà các bị cáo gây ra. Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo không cung cấp tình tiết gì mới ngoài các tình tiết mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Hữu P và Nguyễn Chí T, giữ nguyên phần Quyết định của bản án sơ thẩm về hình phạt đối với các bị cáo.

Trong phần tranh luận, các bị cáo Nguyễn Hữu P và Nguyễn Chí T không tham gia tranh luận. Tại lời nói sau cùng, các bị cáo Nguyễn Hữu P và Nguyễn Chí T xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Qua các mối quan hệ bị cáo P biết nhiều cá nhân, doanh nghiệp có nhu cầu mua hóa đơn giá trị gia tăng khổng lồ để hợp thức số lượng cát đã mua nhưng không có hóa đơn chứng từ, nên P nảy sinh ý định mua, bán hóa đơn giá trị gia tăng khổng lồ nhằm thu lợi bất chính. Từ năm 2017, bị cáo P đã thực hiện hành vi phạm tội với thủ đoạn là dùng pháp nhân của Cty Tiền Sờ T3, C3, C4, C5, C6 mua hóa đơn đầu vào và chia nhỏ hóa đơn đầu ra bán cho Cty Lương Duy P1 và C1 để thu lợi bất chính. Qua rà soát các hóa đơn xác định, chính bị cáo Nguyễn Hữu P điều hành 05 doanh nghiệp, thực hiện hành vi xuất bán 277 hóa đơn giá trị gia tăng khổng lồ cho C1 và Cty Lương Duy P1, thu lợi bất chính 124.797.800 đồng. Bị cáo Nguyễn Chí T là Giám đốc đại diện cho Công ty X biết rõ Công ty này và các Công ty khác do bị cáo P điều hành thực tế không có hoạt động sản xuất kinh doanh nhưng T vẫn giúp bị cáo P ghi khống 160 hóa đơn giá trị gia tăng. Bị cáo T giúp Phước đi chuyển tiền, rút tiền giao dịch giả tạo để lấy chứng từ chứng minh việc mua bán cát. Ngoài ra, bị cáo T còn đi vận chuyển hóa đơn (giao hóa đơn) giúp cho bị cáo P. Hành vi của bị cáo Nguyễn Hữu P bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Mua bán trái phép hóa đơn” quy định tại điểm d, đ khoản 2, khoản

3 Điều 203 Bộ luật Hình sự và hành vi của bị cáo Nguyễn Chí T bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Mua bán trái phép hóa đơn” quy định tại điểm d khoản 2, khoản 3 Bộ luật Hình sự bằng Bản án hình sự sơ thẩm số 38/2024/HS-ST ngày 16 tháng 8 năm 2024 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét thấy khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm có xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ như các bị cáo ăn năn hối cải được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là có cân nhắc tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân các bị cáo, từ đó phán quyết mức án 02 (hai) năm tù đối với bị cáo P và 01 (một) năm tù đối với bị cáo T là phù hợp.

[3] Các bị cáo Nguyễn Hữu P và Nguyễn Chí T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Hội đồng xét xử thấy rằng, các tình tiết giảm nhẹ của các bị cáo đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo không cung cấp tình tiết gì mới ngoài các tình tiết mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Hữu P và Nguyễn Chí T, giữ nguyên phần Quyết định của bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với các bị cáo .

[4] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đối với kháng cáo của các bị cáo là có căn cứ chấp nhận.

[5] Do kháng cáo của các bị cáo không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo luật định.

[6] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Hữu P và Nguyễn Chí T.

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 38/2024/HS-ST ngày 16 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp về phần hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Hữu P và Nguyễn Chí T.

2. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Hữu P và Nguyễn Chí T phạm tội “*Mua bán trái phép hóa đơn*”.

2.1. Căn cứ điểm d và đ khoản 2, khoản 3 Điều 203; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu P 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 10/11/2023.

Hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo Nguyễn Hữu P 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng nộp vào ngân sách Nhà nước.

2.2. Căn cứ điểm d khoản 2, khoản 3 Điều 203; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Chí T 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo Nguyễn Chí T 10.000.000 (mười triệu) đồng nộp vào ngân sách Nhà nước.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-02-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Nguyễn Hữu P và Nguyễn Chí T, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC-Vụ Giám đốc kiểm tra 1;
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- Sở Tư pháp Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- Cơ quan THAHS Công an Tỉnh;
- TAND huyện Thanh Bình (04 bản);
- VKSND huyện Thanh Bình;
- CCTHADS huyện Thanh Bình;
- CQCSĐT Công an huyện Thanh Bình;
- Bị cáo;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an Tỉnh;
- Phòng KTNV-THATA Tỉnh;
- Lưu: VT, HSVA (H).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Mỹ